TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHỤNG HIỆP** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 04 - 5 -2023.
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Tuấn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thế Tự

2. Ông Nguyễn Văn Dương

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Công Trận – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang *tham gia phiên toà:* Bà Phan Thị Cẩm Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 565/2022/TLST-HN ngày 10 tháng 10 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2023/QĐXX-ST ngày 17 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2023/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 10/2023/TB-TA ngày 13 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Lê Hồng T, sinh năm 1995 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp V, xã T3, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Lê Văn T2, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã L, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình chịy: Chị và anh T2 qua tìm hiểu quen biết, sau một thời gian thì đến năm 2013 tiến tới hôn nhân. Chúng tôi có tổ chức lễ cưới theo phong tục tại địa phương và có đăng ký kết tại Ủy ban nhân dân xã T3, huyện Đ, tỉnh Cà Mau ngày

26/01/2022.

Thời gian đầu vợ chồng sống với nhau hạnh phúc. Sau đó, đến năm 2020 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc chia sẽ lẫn nhau, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể hàn gắn được nên đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nên tôi khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn T2.

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Lê Văn T2

Về con chung: Quá trình chung sống có 03 con chung: Lê Thanh T4, sinh ngày 17/3/2014, Lê Phú Th, sinh ngày 19/3/2017 và Lê Phú Th1, sinh ngày 18/9/2020. Tôi yêu cầu nuôi dưỡng cháu Lê Phú Th và Lê Phú Th1, riêng cháu Lê Thanh T4 nếu có nguyện vọng sống chung với tôi thì tôi đồng ý nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Lê Văn T2 trình bày: Anh thống nhất về con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng. Tuy nhiên anh không đồng ý ly hôn, do anh còn yêu thương vợ con, muốn hàn gắn với vợ để lo cho các con.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn T2 không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống có 03 con chung: Lê Thanh T4, sinh ngày 17/3/2014, Lê Phú Th, sinh ngày 19/3/2017 và Lê Phú Th1, sinh ngày 18/9/2020. Anh không đồng ý ly hôn nên muốn cùng sống với vợ con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy trình thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án, kiểm sát viên đề nghị: Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Hồng T được ly hôn với anh Lê Văn T2; Về con chung: Giao các cháu Lê Thanh T4, sinh ngày 17/3/2014, Lê Phú Th, sinh ngày 19/3/2017 và Lê Phú Th1, sinh ngày 18/9/2020 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: các đương sự chưa có yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bị đơn Lê Văn T2 có địa chỉ tại ấp B, xã T, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Lê Văn T2 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại các phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn xuất phát từ sự tự nguyện, quá trình sống chung đến nay có đăng ký kết hôn theo luật định nên quan hệ hôn nhân giữa các đương sự được pháp luật thừa nhận. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do chị T và anh T2 bất đồng quan điểm trong cuộc sống hằng ngày, vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột trong tình cảm vợ chồng nên không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Từ đó, vợ chồng không còn tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, hôn nhân không còn hòa hợp. Chị T và anh T2 đã nhiều lần hàn gắn nhưng không giải quyết được nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Quá trình giải quyết, Hội đồng xét xử cũng đã tạo điều kiện cho chị T và anh T2 có cơ hội hàn gắn nhưng chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Mặc dù, anh T2 không đồng ý ly hôn nhưng cũng không đưa ra được giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng trong suốt thời gian Tòa án thụ lý giải quyết vụ án. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã thật sự trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống chị T và anh T2 có 03 con chung là: Lê Thanh T4, sinh ngày 17/3/2014, Lê Phú Th, sinh ngày 19/3/2017 và Lê Phú Th1, sinh ngày 18/9/2020. Chị T có yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu

Lê Phú Th và Lê Phú Th1. Đồng thời, hiện nay hai cháu cũng đang sống chung với chị T nên cần ổn định cuộc sống cho các cháu. Riêng cháu Lê Thanh T4 đã từ đủ 07 tuổi trở lên và cháu có nguyện vọng được sống chung với chị T và chị T cũng đồng ý nuôi dưỡng cháu T4. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị T và cháu T4. Từ những cơ sở đó, Hội đồng xét xử quyết định giao các cháu Lê Thanh T4, Lê Phú Th và Lê Phú Th1 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Dành quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Lê Văn T2 không ai có quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con chung do các đương sự chưa yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng theo quy định.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, Điều 53; Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Hồng T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Hồng T được ly hôn với anh Lê Văn T2.

2. Về con chung: Giao các cháu Lê Thanh T4, sinh ngày 17/3/2014, Lê Phú Th, sinh ngày 19/3/2017 và Lê Phú Th1, sinh ngày 18/9/2020 cho chị Lê Hồng T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Dành quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Lê Văn T2 không ai có quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con chung do các đương sự chưa yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Hồng T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008457 ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Chị Lê Hồng T không phải nộp thêm.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND H.Phụng Hiệp;
- UBND xã nơi cư trú;
- Chi cục THADS H.Phụng Hiệp;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Võ Văn Tuấn Khanh